

LD VIETSOVPEIRO  
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/07/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+P9+P10	7:25	21+1+0	0+0+0		14+5+3	0+0+0	
2		P4+TD1+RP1	7:25	22+0+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	
3		P11+BK3+P2	7:25	0+0+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 PAX P11- P2CHUYEN 1 PAX BK3-P2
4		P7+TTC3	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
5		TD3+P2+CTK3	9:25	11+10+1	0+0+0		7+9+6	0+0+0	CHUYEN 1 PAX TD3-P2
6		PPD+BK10+BK6	9:25	18+0+4	0+0+0		9+0+13	0+0+0	CHUYEN 1 PAX BK10-BK6
7		P1+TTC2+TD2	9:25	16+1+5	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
8		P5+TGT4+TGT5	9:25	18+18+2+2	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
9		PPD+P1	11:25	5+10+7	0+0+0		5+17	0+0	
10		P3+P1+P4	11:25	2+12+5+4	0+0+0		12+1+9	0+0+0	
11		P4+P6+BK5	11:25	10+12+6+4	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
12		RC4+RP3+P7	13:25	1+8+13	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
13		AMD+HSD+P5	13:25	14+4+3	0+0+0		10+4+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
/BK8 ĐÔI CA QUA TD3 (HOẶC TD5)



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: AMD - P9 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HAI	AMD	41	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG NHAT QUANG	AMD	39	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRUONG THE HIEN	AMD	50	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH KHANH	AMD	81	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM THANH BINH	AMD	43-44	2	6		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUANG THANH	AMD	47	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU HUU CHINH	AMD	40	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGOC ANH	AMD	96-97	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MINH HOANG	AMD	82	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
10	DINH TRUONG PHI	AMD	84	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN VINH	AMD	80	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO BA THANH	AMD	38	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DINH TUAN	AMD	48	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG ANH SON	AMD	46	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN MINH DUC	AMD	42	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM ANH DUC	AMD	49	1	14		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	83	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG CONG TAN	AMD	85	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN QUANG LONG	AMD	45	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
20	LAM NHAT MINH	AMD	86	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG TUAN ANH	AMD	87-88	2	11	150	81	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN VIET	P9	35	1	7		78	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	24	173	1.469	150	14		
2	P9	1	1	7	78	0	5		
3	P10	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>180</b>	<b>1.547</b>	<b>150</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>180</b>	<b>1.547</b>	<b>150</b>			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: P4 - TD1 - RP1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Bàng - L Hải - HTNam	ETA: 09:30
trang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOKOLIUK C. M.	P4	27	1	83		78	KH-THAC	Russian
2	ĐỖ HỮU NAM	P4	34	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN SĨ TUẤN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VINH	P4	38-39	2	12		89	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO MINH TUẤN	P4	47	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KIM SƠN	P4	46	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	37	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN CHIẾN	P4	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN TRUNG	P4	28	1	7		69	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THƯƠNG	P4	30	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM VĂN PHÚC	P4	45	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN THANH SƠN	P4	41	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
13	LÂM XUÂN HAI	P4	36	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	P4	31	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN PHƯỚC LỘC	P4	32	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC MINH	P4	33	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG TÍNH	P4					60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH NAM	P4	42	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG KHÁC DU	P4	43-44	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HỮU THANH	P4					68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	29	1	6	70	64	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HÙNG BAY	P4	40	1	7	50	70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	21	195	1.498	120	18		
2	TD1	0	0	0	0	0	3		
3	RP1	0	0	0	0	10	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>195</b>	<b>1.498</b>	<b>130</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>195</b>	<b>1.498</b>	<b>130</b>			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: P11 - BK3 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VThăng - ĐTuấn - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ DUY TOÀN	P2	07	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	P2	16	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	03	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG QUỐC BẢO	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HÙNG	P2	10,11	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC SƠN	P2	17-18	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	02	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ NGHĨA TÀI	P2	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN THAI	P2	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HÙNG	P2	13	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ HUY QUYNH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ SY VANG	P2	09	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ VĂN NIN	P2	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	01	1	5	90	60	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ CHÊ LINH	P2	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH HIÊN	P2	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TÂN QUÂN	P2	12	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN NAM	P2	14	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THAI BÌNH	P2	06	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	0	0	0	0	20	0	1	CHUYEN 01 PAX TU P11 SANG P2
2	BK3	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 01 PAX TU BK3 SANG P2
3	P2	20	19	99	1.328	90	22	0	
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>99</b>	<b>1.328</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>99</b>	<b>1.328</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.537 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: P7 - TTC3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM ĐAI PHONG	P7	26	1	5	8	67	YTE	Vietnamese
2	LUONG QUOC VUONG	P7	23	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH HOAI NAM	P7	16	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI VAN SON	P7	07-08	2	8		59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BAC	P7	05	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH VAN PHUONG	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN ĐINH PHAC	P7	13	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
8	LAM ĐANG GIANG	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VAN TOAN	P7	01	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG KHÔI NGUYỄN	P7	17-18	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN GIA CHUNG	P7	12	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN QUI TRUNG	P7	27	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAM VAN QUANG	P7	20	1	6	40	60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN HUU DUONG	P7	09-10	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG MINH HOANG	P7	06	1	12	6	67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG THOA	P7	03-04	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VINH PHONG	P7	11	1	18		67	XAYLAP	Vietnamese
18	HOA QUANG THANG	P7	21-22	2	10		61	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN MINH HOANG	P7	02	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG CHUNG	P7	14-15	2	16		55	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN NAM KHANH	P7	24	1	7	11	68	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI TRONG TRIU	P7	19	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	26	172	1.490	65	18		
2	TTC3	0	0	0	0	30	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>172</b>	<b>1.490</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>172</b>	<b>1.490</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: TD5 - P2 - CTK3	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Bằng - Hải - HTNam	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VIET TRUNG	TD5	22	1	11		85	KHOAN	Vietnamese
2	CAO VAN DAU	TD5	24	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO VAN MAY	TD5	25	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VIET CUONG	TD5	27	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HOANG GIANG	TD5	21	1	11		83	KH-THAC	Vietnamese
6	DO TIEN DUNG	TD5	31	1	5	46	52	DVL	Vietnamese
7	VO HUU TAN	TD5	30	1	5		80	DVL	Vietnamese
8	TRAN VAN GIANG	TD5	32	1	8		72	DVL	Vietnamese
9	TRAN DAI HUNG	TD5	29	1	11		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG HOAN	TD5	28	1	6		77	DVL	Vietnamese
11	LE VAN THINH	TD5	23	1	6		62	PSV	Vietnamese
12	DANG HUY LONG	TD5	26	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
13	LE ANH VU	P2	49	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN PHUC ANH DONG	P2	42	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
15	LE CONG LUU	P2	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN SON	P2	46	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ARKHIPOV	P2	39-40	2	15		97	ANTOAN	Russian
18	NGUYEN VAN NGHIA	P2	43-44	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HUY HIEU	P2	45	1	10	25	75	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN QUOC THINH	P2	48	1	8		54	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM VAN DONG	P2	47	1	4		62	NIPI	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN DUAN	CTK3	01-02	2	10	43	65	SOLAR	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	12	12	80	837	46	7	1	CHUYEN 1 PAX TD5 SANG P2
2	P2	9	11	93	622	25	9		
3	CTK3	1	2	10	65	43	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>183</b>	<b>1.524</b>	<b>114</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>183</b>	<b>1.524</b>	<b>114</b>			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: PPD - BK10 - BK6	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuân - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH KHOA	PPD	32	1	5		76	KHI	Vietnamese
2	PHAM ĐỨC TOAN LỘC	PPD	90	1	8		82	KHI	Vietnamese
3	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD					88	KHI	Vietnamese
4	LUONG MẠNH DƯƠNG	PPD	500	1	6		63	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	33	1	12		79	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG NAM	PPD	36	1	7		66	KHI	Vietnamese
7	KHÔNG TIEN DUNG	PPD	38	1	5		80	KHI	Vietnamese
8	TRAN DOAN HUONG	PPD					79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG VIET	PPD	95	1	10		81	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC LONG	PPD	94	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM NGOC ĐIỆU	PPD	93	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN TOAN	PPD	97-98	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ QUỐC TUÂN	PPD	99	1	6		81	XAYLAP	Vietnamese
14	THAI ĐỨC DUNG	PPD	37	1	7		90	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN HAI BANG	PPD	96	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐINH VAN DUONG	PPD	39	1	10	16	59	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG TUAN	PPD	91-92	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN SY MY	PPD	34-35	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI TRAN VIET	BK6	21	1	14	20	69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN CU	BK6	20	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HAI	BK6	19	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC AN	BK6	22	1	5		59	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	19	161	1.323	16	9		
2	BK10	0	0	0	0	86	0		CHUYEN 1 PAX TU BK10 SANG BK6
3	BK6	4	4	28	269	20	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>189</b>	<b>1.592</b>	<b>122</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>189</b>	<b>1.592</b>	<b>122</b>			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: P1 - TTC2 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - DTùng	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂN	P1	61-62	2	10		65	YTE	Vietnamese
2	KYSELEV	P1	69	1	12		90	KH-THAC	Russian
3	TRẦN HỮU DŨNG	P1	68	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P1	65-66	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HẢI	P1	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY HUNG	P1	67	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ VINH	P1	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM BA NGÂN	P1	39	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ XUÂN CHUÔNG	P1	38	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	43	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HOÀNG NHAN	P1	63	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	72	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM ANH SƠN	P1	42	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ KIẾN TRUNG	P1	70-71	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HUNG THÀNH	P1	41	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG VĂN PHỒ	TTC2	08	1	10	100	60	NIPI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TUYẾT	TD2	02	1	10		70	DVL	Vietnamese
19	LƯU HỒNG THỦ	TD2	03	1	7	50	50	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	TD2	04	1	12		68	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	TD2	06-07	2	18		60	DVL	Vietnamese
22	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	TD2	05	1	14		79	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	16	18	109	1.130	0	16		
2	TTC2	1	1	10	60	100	0		
3	TD2	5	6	61	327	50	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>180</b>	<b>1.517</b>	<b>150</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>180</b>	<b>1.517</b>	<b>150</b>			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: P5 - TGTH4 - TGTH5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VThăng - ĐTuấn - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	76	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P5	77	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔNG XUÂN SINH	P5					65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	75	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MINH THANH	P5	86	1	10	70	60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRỌNG NGHĨA	P5	73	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN CAO MẠNH	P5	84	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG CÔNG AN	P5	72	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	85	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P5	80	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MINH	P5	78-79	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
13	HUYNH ĐỨC TÂM	P5	67	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ANH TUẤN	P5	68-69	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
15	VU THANH LONG	P5	70-71	2	17		82	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRẦN VINH	P5	82	1	5		63	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ XUÂN VIỆT	P5	83	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ XUÂN TINH	P5	81	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	LÊ THANH DANH	TGTH4	54-55	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH TÙNG	TGTH4	56	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VINH QUANG	TGTH5	62-63	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
22	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH5	64-65	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	18	20	151	1.259	70	18		
2	TGTH4	2	3	15	129	0	2		
3	TGTH5	2	4	25	137	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>191</b>	<b>1.525</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>191</b>	<b>1.525</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: PPD - P1	AIRCRAFT: 424	ETD: 11: 85
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Bàng - ĐỨC - Nam	ETA: 13: 15
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KIM HA	PPD	10	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
2	TONG TRONG TAM	PPD	12	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
3	TO QUOC TUAN	PPD	07	1	17	70	61	XAYLAP	Vietnamese
4	VU TU HUE	PPD	17-18	2	16		57	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN THANH PHUONG	PPD	15-16	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN QUOC	PPD	05-06	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
7	PHUNG VAN CUONG	PPD	13	1	13	7	75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DINH LY	PPD	04	1	12		76	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VIET BINH	PPD	08	1	4		55	PSV	Vietnamese
10	QUACH SY TY	PPD	09	1	5		64	PSV	Vietnamese
11	VU ANH TUAN	PPD	01	1	6		67	COKHI	Vietnamese
12	DUONG HUU THUAN	PPD	02-03	2	8		64	COKHI	Vietnamese
13	TRAN MANH HUNG	PPD	11	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THUY	P1	26	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
15	VU NAM CUONG	P1	80	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
16	VO HONG HAI	P1	78-79	2	18		61	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG DINH KHUE	P1	81	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LE DINH PHUC	P1	77	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN THANG	P1	25	1	5	35	50	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG VAN ĐỨC	P1	28	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TO QUANG ANH	P1	23-24	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	17	137	867	77	5		
2	P1	8	10	55	513	35	17		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>27</b>	<b>192</b>	<b>1.380</b>	<b>112</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>192</b>	<b>1.380</b>	<b>112</b>			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: P3 - P1 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - Luy	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX.W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY KHƯƠNG	P3	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN THANH	P3	41	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM TUAN KHAI	P3	40	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TUAN DAT	P3	45	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE KHAI DAT	P3	48-49	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG TRUNG	P3	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN TRUONG	P3	42-43	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
8	CHAU DINH TU	P3	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN CONG THANH	P3	47	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU THANH	P3	50	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN QUYEN	P3	52	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYEN CANH HIEN	P3	51	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
13	ZHUK	P1	75	1	15		120	KH-THAC	Russian
14	VU BA THUAN	P1	73	1	10	20	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN AN NINH	P1	74	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU NAM	P1	76	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
17	LAI MINH HOANG	P4	52	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NG. ĐỨC NHAN	P4	55-56	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG PHÚC THIÊN	P4	53	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN ANH DUNG	P4	54	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN CONG PHU	P4	61	1	10	40	80	COKHI	Vietnamese
22	NGUYEN VU HUNG	P4	62	1	5		70	COKHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	12	14	73	784	40	12		
2	P1	4	4	45	318	20	0		
3	P4	6	7	40	455	40	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>158</b>	<b>1.557</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>158</b>	<b>1.557</b>	<b>100</b>			

GRAND TOTAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: P4 - P6 - BK5	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: ;';	FROM: VT	CREW: ĐTuần - QViệt - NNam	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. VĂN NHÂN	P4	40-41	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
2	SIGAROV A.S	P4	54-55	2	20		71	KH-THAC	Russian
3	TRẦN MINH TOÀN	P4	42	1	13		81	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN DANH LUẬT	P4	47	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
5	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	P4	43	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÀO QUYẾT THẮNG	P4	46	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM TUẤN KHANH	P4	56	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU TOÀN	P4	44-45	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SANG	P4	48	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN BÀ QUY	P4	52-53	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ HUY CHUÔNG	P4	49-50	2	12	10	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P4	51	1	14		87	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	23	1	4	40	78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ CÔNG MINH	P6	92	1	5	20	69	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG PHỒ	P6	87	1	10		57	GETRACO	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VIỆT A	P6	10	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	91	1	10		84	GETRACO	Vietnamese
18	BUI VĂN QUỐC	P6	88	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TẬP	BK5	44	1	6	40	68	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	43	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THẾ DƯƠNG	BK5	46	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	45	1	15		60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	17	157	851	10	10		
2	P6	6	6	38	411	60	7		
3	BK5	4	4	39	253	40	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>234</b>	<b>1.515</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>234</b>	<b>1.515</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: RC4 - RP3 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:30
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - Luy	ETA: 15:10
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HOANG LONG	RC4	98	1	9	20	83	NIPI	Vietnamese
2	VÔ VĂN LỊCH	RP3	96-97	2	16		65	KHI	Vietnamese
3	PHAN QUỐC CƯỜNG	RP3	94	1	5	55	65	KHI	Vietnamese
4	VŨ DUY PHƯƠNG	RP3	93	1	5		62	KHI	Vietnamese
5	PHAN SỸ DUYỆT	RP3	89-90	2	20		75	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC HOA	RP3	91-92	2	18		59	KHI	Vietnamese
7	LE THE SON	RP3	400	1	6		66	KHI	Vietnamese
8	PHI HUNG	RP3	98-99	2	10		65	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN SỸ TUẤN	RP3	95	1	6		63	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN TUYẾN	P7	35-36	2	13		71	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN GIA HIỆU	P7	34	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÀO QUỐC OAI	P7	37	1	10		79	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P7	38	1	11		38	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI HỒNG SANG	P7	33	1	13	40	93	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÀO TUẤN CHỮ	P7	45	1	5		67	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ LÝ KHANH	P7	43	1	5		88	PSV	Vietnamese
17	LE HỮU LONG	P7	46	1	5		56	PSV	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TÀI	P7	42	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN CHI HÙNG	P7	41	1	5		61	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P7	39	1	5		85	PSV	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN QUANG	P7	44	1	5		66	PSV	Vietnamese
22	PHAN VĂN AN	P7	40	1	5		61	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	1	1	9	83	20	0		
2	RP3	8	12	86	520	55	0		
3	P7	13	14	98	896	40	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>193</b>	<b>1.499</b>	<b>115</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>193</b>	<b>1.499</b>	<b>115</b>			

GRAND TOTAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2018	TO: AMD - HSD - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:35
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Vũ	ETA: 15:15
DO-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANDREW BEDIO	AMD	42-43	2	18		92	KH-THAC	Malaysian
2	LE HAI NAM	AMD	46-47	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN ANH	AMD	48-49	2	18	32	56	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH LE BAO THANH	AMD	59	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TAN NGO	AMD	56	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN VAN TIEN	AMD	60	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	IKRAM BIN RAMLI	AMD	64-65	2	19		68	KH-THAC	Malaysian
8	MOHD SAIFUL SHAMSUL BIN MOHD S	AMD	62-63	2	13		74	KH-THAC	Malaysian
9	NGUYEN VAN HIEN	AMD	50	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LE DAC HUY	AMD	54-55	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN TRUONG	AMD	45	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU PHUC	AMD	44	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGHE	AMD	53	1	5		74	PSV	Vietnamese
14	PHAN VAN HOA	AMD	51-52	2	15		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HUNG	HSD	50-51	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN TINH	HSD	49	1	7	63	64	KH-THAC	Vietnamese
17	DO VIET PHUONG	HSD	47	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NHA	HSD	48	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MINH GIAU	P5	92	1	3		66	PSV	Vietnamese
20	DOAN VAN DU	P5	93	1	10		65	PSV	Vietnamese
21	TRAN TRUNG KIEN	P5	94	1	5		62	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	21	164	977	32	10		
2	HSD	4	5	31	268	63	4		
3	P5	3	3	18	193	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>29</b>	<b>213</b>	<b>1.438</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>213</b>	<b>1.438</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPEIRO  
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/07/2018**

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi				Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+DD3	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
2		PVD2	7:25	22	0		22	0	
3		DD3+PVD2	9:25	9+9	0+0		12+10	0+0	

TTBDSX





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/07/2018	TO: BK3 - DD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - PTUẤN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZARUDNIEV	BK3	27-28	2	15		92	VSP	Russian
2	PHAM THE QUANG	BK3	31	1	10	70	72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH HUU CAN	BK3	30	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC KHOI	BK3	29	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI XUAN TRUONG	BK3	32	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BINH MINH	DD3	62	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
7	DENIS MONSIEUR	DD3	32	1	10		92	KHOAN	French
8	DILBA KHAN	DD3	35	1	8		85	KHOAN	Indian
9	VIJAYAKUMAR MATTAPPILLY	DD3	27-28	2	15		90	KHOAN	Indian
10	MARIUS MARICA	DD3	29	1	12		90	KHOAN	Romania
11	THANGA THURAI MUTHU SWAMY	DD3	31	1	10		60	KHOAN	Indian
12	PRADEEP KAUSHIK	DD3	37-38	2	11	40	86	KHOAN	Indian
13	NANDA RADHAMADHAB	DD3	36	1	8		80	KHOAN	Indian
14	ABHISHEK RANJAN H	DD3	30	1	8		50	KHOAN	Indian
15	ALWAN YASRI	DD3	33	1	10		72	KHOAN	Indonesian
16	PHAM VAN QUAN	DD3	59	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DOAN	DD3	61	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
18	DOAN VAN CHUNG	DD3	63	1	5	70	58	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN SY HIEU	DD3	34	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
20	LUONG VAN VINH	DD3	58	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
21	LE VAN TIEN	DD3	60	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
22	DUONG VAN TUAN	DD3	64	1	10		59	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	5	6	57	366	70	0		
2	DD3	17	19	141	1.222	40	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>198</b>	<b>1.588</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>198</b>	<b>1.588</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/07/2018	TO: PVD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Bằng - HTNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	36	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC KHANH	PVD2	35	1	2		59	KHOAN	Vietnamese
3	RICHARD HUGHES	PVD2	29-30	2	16		80	KHOAN	British
4	DJAMIAT	PVD2	41	1	12		78	KHOAN	Indonesian
5	HOANG TRONG CHUC	PVD2	34	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
6	ERNEST LAURENCE GLASS JR	PVD2	42-43	2	15	18	90	KHOAN	American
7	VU THANH PHONG	PVD2	45	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VAN KIEU	PVD2	26	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CHI THANG	PVD2	33	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN MANH	PVD2	32	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THE DUONG	PVD2	38	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN CAO	PVD2	25	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN ANH HUNG	PVD2	28	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUY HOANG	PVD2	40	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG QUANG THANH	PVD2	24	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
16	LE NGOC HA	PVD2	39	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG VAN THANG	PVD2	27	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN VAN TUOC	PVD2	37	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
19	TU DUONG VAN	PVD2	23	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
20	LUONG VAN HOANG	PVD2	22	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN NAM THANG	PVD2	31	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN MINH VUONG	PVD2	46	1	7		55	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	24	158	1.570	18	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>24</b>	<b>158</b>	<b>1.570</b>	<b>18</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>158</b>	<b>1.570</b>	<b>18</b>			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/07/2018	TO: DD3 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - PTUẤN	ETA: 11:10
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HONG PHUOC	DD3	72-73	2	14		67	KHOAN	Vietnamese
2	VO DUC SAU	DD3	70	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VU SINH	DD3	71	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUC THIEN	DD3	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUNG	DD3	74	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	VO TRAN TRUNG	DD3	69	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN THANH	DD3	77-78	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
8	VU TUAN ANH	DD3	75-76	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUNG QUAN	DD3	68	1	8		70	NIPI	Vietnamese
10	NGUYEN DINH HAO	PVD2	47	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	DANG DUC THIEN	PVD2	48	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	CAO XUAN VINH	PVD2	57	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
13	LE SON HAI	PVD2	58	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SON	PVD2	56	1	12		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HUNG CUONG	PVD2	54-55	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
16	DANG VAN LOI	PVD2	49-50	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SANG	PVD2	52-53	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG TRONG PHUC	PVD2	51	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD3	9	12	74	604	30	12		
2	PVD2	9	12	92	662	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>24</b>	<b>166</b>	<b>1.266</b>	<b>30</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>166</b>	<b>1.266</b>	<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.462 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL  
PAX CARGO  
12  
10  
22